

Số: 174/KL-TTr

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2024

KẾT LUẬN THANH TRA
Việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động
tại Công ty TNHH MTV Thương mại Habeco

Thực hiện Quyết định số 252/QĐ-TTr ngày 20/6/2024 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động tại Công ty TNHH MTV Thương mại Habeco, ngày 04/7/2024, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại trụ sở của Công ty TNHH MTV Thương mại Habeco. Thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2022 đến 30/6/2024;

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 29/7/2024 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

- Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH MTV Thương mại Habeco (sau đây gọi là doanh nghiệp).

- Năm thành lập: 2009.

- Loại hình doanh nghiệp: công ty trách nhiệm hữu hạn.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104068531 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21/7/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 12/3/2021.

- Trụ sở chính của doanh nghiệp: số 183 Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

- Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu: kinh doanh các loại bia chai, bia lon.

- Cơ cấu tổ chức sản xuất của doanh nghiệp: 02 phòng chức năng; 01 khối kinh doanh; 04 chi nhánh; 01 kênh bán hàng.

- Điện thoại giao dịch: 024.3992.2948 Fax: 024.3847.1789.

- Các tài khoản giao dịch:

+ Tài khoản số 1500201068568 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) - Chi nhánh Hà Nội;

+ Tài khoản số 1604201026205 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn-Hà Nội (SHB) Chi nhánh Thăng Long.

- Tổ chức công đoàn cơ sở: đã thành lập công đoàn cơ sở.

- Tổng số người làm việc tại doanh nghiệp (số liệu tại thời điểm 30/6/2024): 515 người.

- Tình hình sản xuất kinh doanh (theo báo cáo của doanh nghiệp):

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch
1	Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	-	804.058	-	633.117	-
2	Tổng nguồn vốn kinh doanh	Triệu đồng	-	804.058	-	633.117	-
3	Tổng doanh thu	Triệu đồng	4.971.203	5.058.226	5.390.130	4.335.805	4.630.252
4	Tổng chi phí	Triệu đồng	4.966.546	5.033.583	5.388.670	4.332.187	4.626.917
5	Tổng thu - tổng chi (chưa có lương)	Triệu đồng	71.132	99.323	111.325	99.915	123.087
6	Lợi nhuận	Triệu đồng	4.656	24.643	1.460	3.617	3.335
7	Nộp NSNN	Triệu đồng	-	40.554	-	38.867	-

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Các loại báo cáo định kỳ

- Đã thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và hằng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

- Đã thực hiện báo cáo định kỳ hằng năm về công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

2. Tuyển dụng và đào tạo lao động

- Khi có nhu cầu tuyển dụng người lao động, doanh nghiệp đăng thông tin tuyển dụng tại trang thông tin điện tử của doanh nghiệp và các trang mạng xã hội tuyển dụng, tìm kiếm việc làm.

- Không thu phí tuyển dụng người lao động.

- Đã xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động hằng năm.

- Việc ký kết hợp đồng đào tạo nghề: không phát sinh.

- Thực hiện ký kết hợp đồng học nghề, tập nghề: không phát sinh.

3. Giao kết và thực hiện hợp đồng lao động

- Tại thời điểm 30/6/2024:

+ Số người không thuộc diện phải giao kết hợp đồng lao động: 13 người đang thử việc.

- + Số người thuộc diện phải giao kết hợp đồng lao động: 502 người.
- + Số người đã giao kết hợp đồng lao động: 502 người, trong đó: hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 218 người; hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 03 tháng đến 36 tháng: 284 người.

Kiểm tra xác suất 10 hợp đồng lao động đã giao kết với người lao động, mục công việc phải làm ghi “Trụ sở chính, các chi nhánh, các địa điểm kinh doanh của Công ty và các địa điểm khác theo yêu cầu công việc theo văn bản giao nhiệm vụ của Giám đốc Công ty tại từng thời điểm và thể hiện tại quyết định tuyển dụng/phân công công việc đối với nhân sự do Giám đốc Công ty ban hành”.

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không có người lao động bị mất việc làm.

- Việc thông báo trước cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cho người lao động trước khi cho nhiều người lao động thôi việc (trong trường hợp thay đổi cơ cấu, công nghệ hoặc vì lý do kinh tế): không phát sinh.

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp có 396 lao động thôi việc. Doanh nghiệp đã trả trợ cấp thôi việc cho 80 người lao động đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc với tổng số tiền là 173.93.000 đồng.

4. Đối thoại tại doanh nghiệp và thoả ước lao động tập thể

- Đã thực hiện đối thoại định kỳ 01 lần/năm. Trong thời kỳ thanh tra không phát sinh đối thoại theo yêu cầu hoặc khi có vụ việc.

- Đã ký kết thỏa ước lao động tập thể. Hồ sơ thỏa ước lao động tập thể của doanh nghiệp không có thông báo bằng văn bản về những nội dung dự kiến tiến hành thương lượng tập thể của đại diện tập thể người lao động hoặc của người sử dụng lao động, không có biên bản cuộc họp thương lượng, không có văn bản thể hiện có trên 50% người lao động biểu quyết tán thành với nội dung dự thảo thỏa ước theo quy định.

+ Đã thực hiện các nội dung thỏa thuận trong thỏa ước lao động tập thể.

+ Thỏa ước lao động tập thể đã được gửi đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Hà Nội.

- Đã xây dựng và ban hành quy chế dân chủ cơ sở tại doanh nghiệp năm 2022.

5. Tiền lương và thu nhập

5.1. Công tác quản lý tiền lương và thu nhập của người lao động

5.1.1. Việc xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động

- Doanh nghiệp áp dụng thang lương, bảng lương và định mức lao động đã được xây dựng và ban hành tại Quyết định số 12/QĐ.CT-HNB ngày 17/9/2021.

- Các hình thức trả lương doanh nghiệp đang áp dụng: doanh nghiệp áp dụng hình thức trả lương theo thời gian.

- Hệ số lương bình quân (HSLBQ) theo thang, bảng lương hoặc mức lương bình quân (MLBQ):

Nội dung	Năm 2022		Năm 2023	
	Số lao động	HSLBQ	Số lao động	HSLBQ
Lao động quản lý (Trưởng, phó phòng, Giám đốc nhân sự, Giám đốc kinh doanh, Giám đốc chi nhánh/Kênh/Phụ trách phát triển thị trường, Phụ trách các bộ phận khối kinh doanh)	14,5	10,47	14,67	11,19
Lao động chuyên môn, nghiệp vụ	285,25	6,18	434,82	6,02
Công nhân trực tiếp sản xuất kinh doanh	0	0	0	0
Nhân viên thừa hành, phục vụ (Lái xe, thủ kho, nhân viên giao nhận)	36,8	5,66	36	5,86
Tổng số	336,55	6,52	490,49	6,27

- Hệ số phụ cấp lương bình quân (HSPCLBQ) hoặc mức phụ cấp bình quân (MPCBQ):

Các loại phụ cấp	Năm 2022		Năm 2023	
	Số người	HSPCBQ	Số người	HSPCBQ
Thâm niên	108,83	0,37	105,67	0,43

5.1.2. Quỹ tiền lương và thực hiện phân phối quỹ tiền lương

- Người đại diện vốn nhà nước đã thực hiện xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước về quỹ tiền lương của người lao động năm 2022, 2023 tại các văn bản số 343/TT-HBN ngày 19/8/2022, số 570/TT-HBN, 571/TT-HBN ngày 7/8/2023, 16/TTr-HNB ngày 27/3/2023, 15/TTr-HNB ngày 27/3/2024.

- Việc xây dựng và phê duyệt quỹ tiền lương kế hoạch và quỹ tiền lương thực hiện của người lao động hằng năm:

+ Năm 2022: quỹ tiền lương kế hoạch là 78,371 tỷ đồng; quỹ tiền lương thực hiện là 72,578 tỷ đồng.

+ Năm 2023: quỹ tiền lương kế hoạch là 107,550 tỷ đồng; quỹ tiền lương thực hiện là 93,521 tỷ đồng.

+ Năm 2024: quỹ tiền lương kế hoạch là 117,438 tỷ đồng.

- Doanh nghiệp áp dụng quy chế trả lương, quy chế thưởng cho người lao động đã được xây dựng và ban hành tại Quyết định số 12/QĐ.CT-HNB ngày 17/9/2021.

- Việc thực hiện phân phối quỹ tiền lương theo từng năm 2022, 2023: doanh nghiệp xác định quỹ lương kế hoạch năm 2023 bằng 107,55 tỷ đồng (lương bình quân 16,73 triệu đồng/người/tháng) đối với trường hợp doanh nghiệp có lợi

nhuận tăng và năng suất giảm. Theo quy định tại Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, trường hợp doanh nghiệp có lợi nhuận giảm (kế hoạch năm 2023 giảm 94% so với thực hiện năm 2022) thì quỹ tiền lương được xác định tối đa bằng 91,997 tỷ đồng (tương ứng tiền lương bình quân 14,31 triệu đồng/người/tháng). Trên cơ sở đó, quỹ tiền lương bình quân thực hiện năm 2023 tối đa được tính là 78,55 tỷ đồng (doanh nghiệp xác định là 93,521 tỷ đồng).

- Việc trả tiền lương làm thêm giờ: kiểm tra bảng chấm công và bảng thanh toán lương tháng 02/2024, doanh nghiệp chưa trả tiền làm thêm giờ vào ngày thường và ngày nghỉ cuối tuần cho 09 người lao động của Phòng Tài chính Kế toán (số giờ làm thêm chuyển thành số giờ người lao động được nghỉ bù, có hưởng lương trong năm).

- Đã trả tiền lương làm việc vào ban đêm theo quy định.

- Đã trả lương những ngày nghỉ có hưởng lương cho người lao động.

- Đã trả lương những ngày chưa nghỉ hằng năm hoặc ngày chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hằng năm cho người lao động thôi việc.

- Tiền lương ngừng việc và cách giải quyết tiền lương trong các trường hợp thiếu việc làm: không phát sinh.

- Tình hình khấu trừ tiền lương của người lao động: không phát sinh.

5.1.3. Các khoản thu nhập khác

- Tiền ăn ca: doanh nghiệp hỗ trợ tiền ăn ca cho toàn bộ người lao động thông qua suất ăn mức 30.000 đồng/người/ca làm việc. Doanh nghiệp tổ chức phục vụ bữa ăn trưa cho người lao động đối với người lao động làm việc tại trụ sở văn phòng, thanh toán tiền ăn cho người lao động qua tài khoản ngân hàng đối với người lao động làm việc ngoài trụ sở văn phòng.

- Các khoản phụ cấp khác: không.

- Tiền lương và thu nhập bình quân chung:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2022			Năm 2023		
			Cao nhất	Bình quân	Thấp nhất	Cao nhất	Bình quân	Thấp nhất
1	Mức lương	Triệu đồng/ người/tháng	15,7	6,52	5	15,7	6,27	5
2	Phụ cấp	Triệu đồng/ người/tháng	1,57	0,37	0,05	1,57	0,43	0,05
3	Tiền thưởng	Triệu đồng/ người/tháng	39,26	10,91	0,17	40,01	9,31	0
4	Thu nhập khác	Triệu đồng/ người/tháng	7,82	2,91	0	7,56	4,04	0
5	Tổng thu nhập	Triệu đồng/ người/tháng	62	20,99	5,5	63,81	20,09	6,86

5.2. Tiền lương, thu nhập của người quản lý

5.2.1. Tiền lương

- Số lượng người quản lý chuyên trách: 05 người (Giám đốc, 03 Phó Giám đốc, 01 Kế toán trưởng).

- Số lượng người quản lý không chuyên trách: 03 người (Chủ tịch Công ty, 02 kiểm soát viên).

- Người đại diện vốn đã tổng hợp và xin ý kiến đại diện chủ sở hữu về quỹ tiền lương của người quản lý năm 2022, 2023 tại các văn bản số 343/TT-HBN ngày 19/8/2022; số 570/TT-HBN, 571/TT-HBN ngày 7/8/2023; 16/TTr-HNB ngày 27/3/2023, 15/TTr-HNB ngày 27/3/2024.

- Đã xây dựng và phê duyệt quỹ tiền lương, quỹ thù lao của người quản lý.

+ Năm 2022: quỹ tiền lương kế hoạch là 1,872 tỷ đồng; quỹ tiền lương thực hiện là 1,943 tỷ đồng; quỹ thù lao kế hoạch là 0,153 tỷ đồng; quỹ thù lao thực hiện là 0,159 tỷ đồng.

+ Năm 2023: quỹ tiền lương kế hoạch là 2,160 tỷ đồng; quỹ tiền lương thực hiện là 2,592 tỷ đồng; quỹ thù lao kế hoạch là 0,153 tỷ đồng; quỹ thù lao thực hiện là 0,184 tỷ đồng.

- Phân phối tiền lương thực hiện đối với người quản lý:

Stt	Chức danh	Tiền lương (triệu đồng/tháng)	
		Năm 2022	Năm 2023
1	Giám đốc	47,75	55,2
2	Phó Giám đốc	35,6	41,4
3	Phó Giám đốc	35,6	41,4
4	Phó Giám đốc	35,6	41,4
5	Kế toán trưởng	31,1	36,6

- Phân phối tiền thù lao thực hiện của người quản lý không chuyên trách như sau:

Stt	Chức danh	Thù lao (triệu đồng/người/tháng)	
		Năm 2022	Năm 2023
1	Chủ tịch công ty	8,61	9,96
2	Kiểm soát viên	4,6	5,4
3	Kiểm soát viên		5,4

5.2.2. Tiền thưởng

- Việc trích lập và sử dụng quỹ khen thưởng của người quản lý: doanh nghiệp trích lập quỹ tiền thưởng của người quản lý chuyên trách bằng 1,5 tháng tiền lương bình quân thực hiện.

- Chưa xây dựng quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý.
- Phân phối tiền thưởng cụ thể đối với từng chức danh: doanh nghiệp phân phối tiền thưởng năm 2022 cụ thể đối với từng chức danh năm 2022 tại Quyết định số 10/QĐ.CT-HNB ngày 12/9/2023.

5.2.3. Thu nhập

Các khoản thu nhập khác: người quản lý hưởng các khoản thu nhập từ các chế độ phúc lợi của doanh nghiệp theo quy định.

5.3. Trách nhiệm của người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp

- Đã tham gia ý kiến với Hội đồng thành viên để đưa các nội dung quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng vào điều lệ tổ chức hoạt động hoặc các quy chế của doanh nghiệp; tham gia biểu quyết để quyết định các nội dung cụ thể về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với doanh nghiệp.

- Đã tổng hợp phương án dự kiến của doanh nghiệp về kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao, quỹ tiền thưởng thực hiện năm trước, quỹ tiền lương, thù lao, quỹ tiền thưởng kế hoạch của người lao động và người quản lý doanh nghiệp để báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước.

- Đã đề xuất và xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu về phương án xác định quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với doanh nghiệp.

- Đã báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu kết quả thực hiện tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với doanh nghiệp hằng năm sau khi Chủ tịch thông qua.

6. Thời giờ làm việc và thời giờ nghỉ ngơi

- Doanh nghiệp áp dụng thời gian làm việc theo giờ hành chính 8 giờ/ngày, 40 giờ/tuần đối với khối hỗ trợ (nghỉ ngày thứ bảy, chủ nhật); 8 giờ/ngày và 44 giờ/tuần đối với khối bán hàng (nghỉ chiều thứ bảy và ngày chủ nhật).

- Huy động người lao động làm thêm giờ không vượt quá số giờ làm thêm theo quy định.

- Đã thực hiện các quy định về thời giờ nghỉ ngơi, nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng có lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương theo quy định.

- Đã bố trí 12 ngày nghỉ hằng năm đối với người lao động làm công việc bình thường (chưa tính thâm niên).

- Việc quy định các đợt nghỉ ngắn trong ca làm việc: không.

7. Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất

- Đã xây dựng và đăng ký nội quy lao động với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Hà Nội năm 2021.

- Số vụ xử lý kỷ luật lao động: 02 vụ, trình tự, thủ tục tiến hành xử lý kỷ luật và hồ sơ xử lý kỷ luật được thực hiện theo quy định.

- Việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương: không phát sinh.

- Những trường hợp người lao động phải bồi thường trách nhiệm vật chất: không phát sinh.

8. Lao động đặc thù

8.1. Các quy định riêng đối với lao động nữ

- Tổng số lao động nữ: 120 người.
- Đã thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ, gồm:
 - + Không sử dụng lao động nữ có thai từ tháng thứ 7 trở lên làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.
 - + Lao động nữ nuôi con dưới 12 tháng tuổi được nghỉ 60 phút/ngày làm việc.
 - + Lao động nữ trong thời gian hành kinh được nghỉ 30 phút/ngày làm việc.
 - + Không sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với lao động nữ trong doanh nghiệp.
 - + Bố trí chỗ thay quần áo, buồng tắm và buồng vệ sinh cho lao động nữ.
 - + Thực hiện các chế độ cho lao động nữ mang thai, nghỉ thai sản và đảm bảo việc làm cho lao động nữ sau khi nghỉ thai sản.
- Chưa thực hiện giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động.

8.2. Các quy định riêng đối với lao động chưa thành niên, lao động là người nước ngoài và lao động là người khuyết tật, người lao động cao tuổi

Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không sử dụng lao động chưa thành niên, lao động là người nước ngoài, lao động là người khuyết tật và người lao động cao tuổi.

9. Khiếu nại, tranh chấp lao động

Trong thời kỳ thanh tra, tại doanh nghiệp không phát sinh các vụ khiếu nại về lao động, tranh chấp lao động.

10. An toàn lao động, vệ sinh lao động

- Hội đồng an toàn, vệ sinh lao động cơ sở: không phát sinh.
- Đã xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hằng năm và lấy ý kiến Ban chấp hành công đoàn cơ sở.
- Chưa thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên.
- Đã bố trí 01 người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động.
- Đã hợp đồng với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (Công ty TNHH Medlatec Tây Hồ) để thực hiện các nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe người lao động.
- Đang sử dụng 10 máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động (xe nâng hàng) đã được kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đạt yêu cầu. Người chứng kiến ký tên trong các biên bản kiểm định (Nguyễn Trần Giang) không phải là người chứng kiến việc kiểm định và thông qua biên bản (Nguyễn Thu Hiền, Lê Anh Tú).

- Đã xây dựng, ban hành nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị và tại nơi làm việc.

- Đã tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động và người sử dụng lao động theo quy định. Sổ theo dõi người thuộc nhóm 4 được huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và sổ theo dõi cấp thẻ an toàn lao động thiếu chữ ký của người lao động.

- Đã trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động, chưa tham khảo ý kiến của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trước khi quyết định thời hạn sử dụng, số lượng phương tiện bảo vệ cá nhân trang cấp cho người lao động.

- Đã tổ chức bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại với 02 mức 13.000 đồng/người/ca làm việc, 20.000 đồng/người/ca làm việc.

- Số vụ tai nạn lao động từ ngày 01/01/2022 đến thời điểm thanh tra: 0 vụ.

- Đã tổ chức quan trắc môi trường lao động theo quy định (số mẫu không đạt tiêu chuẩn/tổng số mẫu đo: năm 2022 có 0/620 mẫu; năm 2023 có 10/620 mẫu; năm 2024 có 0/620 mẫu).

- Không sử dụng lao động làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

- Túi sơ cứu tại kho Mê Linh chưa đủ loại dụng cụ (thiếu mặt nạ phòng độc, nẹp cổ, nẹp đùi, nẹp cẳng chân, kính bảo vệ mắt, panh không máu thẳng, panh không máu cong).

- Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ hằng năm cho người lao động theo quy định.

III. KẾT LUẬN

1. Những quy định của pháp luật về lao động đã được doanh nghiệp thực hiện

1.1. Đã thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và hằng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

1.2. Đã thực hiện báo cáo định kỳ hằng năm về công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

1.3. Không thu phí tuyển dụng người lao động.

1.4. Đã xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động.

1.5. Đã giao kết hợp đồng lao động đối với 100% người lao động thuộc đối tượng phải giao kết hợp đồng lao động.

1.6. Đã trả trợ cấp thôi việc cho người lao động đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc.

1.7. Đã tổ chức đối thoại định kỳ với người lao động tại nơi làm việc.

1.8. Đã ký và gửi thỏa ước lao động tập thể đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Hà Nội. Đã thực hiện các nội dung theo thỏa ước lao động tập thể đã ký kết.

1.9. Đã xây dựng và ban hành quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc.

1.10. Đã xây dựng thang lương, bảng lương, định mức lao động.

1.11. Đã trả tiền lương làm thêm giờ, làm vào ngày nghỉ lễ, làm việc vào ban đêm theo quy định.

1.12. Đã hỗ trợ tiền ăn ca cho người lao động, mức 30.000 đồng/người/ca làm việc.

1.13. Đã thực hiện chế độ tiền lương, thu nhập đối với người quản lý theo quy định.

1.14. Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm về lao động.

1.15. Đã thực hiện các quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, nghỉ lễ, tết, nghỉ hằng năm, nghỉ việc riêng có hưởng lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương theo quy định.

1.16. Đã xây dựng và đăng ký nội quy lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp tỉnh.

1.17. Trình tự, thủ tục tiến hành xử lý kỷ luật và hồ sơ xử lý kỷ luật được thực hiện đúng quy định; không có trường hợp phải bồi thường trách nhiệm vật chất; không phạt tiền, trừ lương thay việc xử lý kỷ luật lao động.

1.18. Không phát sinh các vụ khiếu nại về lao động, tranh chấp lao động.

1.19. Đã xây dựng và ban hành kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hằng năm và lấy ý kiến Ban chấp hành công đoàn cơ sở.

1.20. Đã bố trí người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động và hợp đồng với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh để thực hiện các nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe người lao động theo quy định.

1.21. Đã thực hiện kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động theo quy định.

1.22. Đã xây dựng, ban hành nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị và tại nơi làm việc.

1.23. Đã tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho toàn bộ người lao động và người sử dụng lao động.

1.24. Đã trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động.

1.25. Đã tổ chức bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại theo quy định.

1.26. Đã thực hiện quan trắc môi trường lao động theo quy định.

1.27. Đã tổ chức khám sức khỏe cho toàn bộ người lao động theo quy định.

2. Những quy định của pháp luật về lao động chưa được doanh nghiệp thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ

2.1. Nội dung hợp đồng lao động đã giao kết với 10 người lao động thỏa thuận mục địa điểm làm việc ghi “Trụ sở chính, các chi nhánh, các địa điểm kinh doanh của Công ty và các địa điểm khác theo yêu cầu công việc theo văn bản giao nhiệm vụ của Giám đốc Công ty tại từng thời điểm” là chưa đúng quy định tại Điều 21 Bộ luật Lao động; Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về nội dung của hợp đồng lao động, hội đồng thương lượng tập thể và nghề, công việc có ảnh hưởng xấu tới chức năng sinh sản, nuôi con.

2.2. Hồ sơ thỏa ước lao động tập thể của doanh nghiệp không có thông báo bằng văn bản về những nội dung dự kiến tiến hành thương lượng tập thể của đại diện tập thể người lao động hoặc của người sử dụng lao động, không có biên bản cuộc họp thương lượng, không có văn bản thể hiện có trên 50% người lao động biểu quyết tán thành với nội dung dự thảo thỏa ước là không đúng quy định tại Điều 70, Điều 76 Bộ luật Lao động.

2.3. Doanh nghiệp xác định mức lương bình quân kế hoạch năm 2023 chưa đúng quy định tại điểm c khoản 3 Điều 8 Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

2.4. Chưa thanh toán tiền lương làm thêm giờ cho 09 người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 98 Bộ luật Lao động; Điều 55 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

2.5. Chưa xây dựng quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý theo quy định tại Điều 17, Điều 18 Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

2.6. Chưa thực hiện việc giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động theo quy định tại khoản 4 Điều 136 Bộ luật Lao động.

2.7. Chưa thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên theo quy định tại khoản 1 Điều 74 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

2.8. Người chứng kiến ký tên trong các biên bản kiểm định kỹ thuật an toàn lao động (Nguyễn Trần Giang) không phải là người chứng kiến việc kiểm định và thông qua biên bản (Nguyễn Thu Hiền, Lê Anh Tú) theo quy định tại điểm 9.2 Điều 9 QTKĐ: 17-2016/BLĐTBXH ban hành kèm theo Thông tư số 54/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành 30 quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn đối với máy,

thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2.9. Sở theo dõi cấp thẻ an toàn lao động thiếu chữ ký của người lao động theo mẫu 10, sổ theo dõi người thuộc nhóm 4 được huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động thiếu chữ ký của người lao động theo mẫu 11 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động.

2.10. Chưa tham khảo ý kiến của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trước khi quyết định thời hạn sử dụng, số lượng phương tiện bảo vệ cá nhân trang cấp cho người lao động theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Thông tư số 25/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về chế độ trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân trong lao động.

2.11. Chưa trang bị đầy đủ thiết bị, phương tiện sơ cứu, cấp cứu tại nơi làm việc theo Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BYT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn vệ sinh lao động và sức khỏe người lao động.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành Quyết định số 28/QĐ-XPHC ngày 11/7/2024 xử phạt vi phạm hành chính hành đối với doanh nghiệp với số tiền xử phạt là 15.000.000 đồng.

V. HẠN CHẾ, BẮT CẬP CỦA CƠ CHẾ QUẢN LÝ, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN VÀ KIẾN NGHỊ KHẮC PHỤC

Không.

VI. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội yêu cầu người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thực hiện các nội dung sau:

1. Chấp hành nghiêm Quyết định số 28/QĐ-XPHC ngày 11/7/2024 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xử phạt vi phạm hành chính nêu tại Mục IV.

2. Khắc phục các vi phạm nêu tại khoản 2 Mục III của Kết luận thanh tra như sau:

- Khắc phục sai phạm nêu tại điểm 2.2, 2.3, 2.10 khi phát sinh.
- Khắc phục các sai phạm còn lại trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký Kết luận thanh tra này.

3. Thực hiện niêm yết công khai Kết luận thanh tra tại trụ sở của doanh nghiệp ít nhất 15 ngày liên tục theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 49 Nghị

định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra.

4. Doanh nghiệp báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện Kết luận thanh tra kèm theo hồ sơ, tài liệu chứng minh đến Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội trước ngày 30/9/2024./.

Nơi nhận:

- Doanh nghiệp (để t/h);
- Chánh thanh tra Bộ LĐTBXH (để báo cáo);
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, Hồ sơ TTr.

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



Nguyễn Thị Hồng Diệp